

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với**
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;**Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Quyết định số 310-TTg ngày 29 tháng 6 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về quan hệ công tác của các cơ quan chính quyền với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;**Căn cứ Quyết định số 601/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban chuyên trách quan hệ với Đài Loan;**Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;**Căn cứ Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù;**Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại văn bản số 1703/PTM-TC ngày 23 tháng 7 năm 2015;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.***Chương I**
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về cơ chế quản lý tài chính áp dụng đối với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là VCCI).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan VCCI tại Hà Nội, các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị sự nghiệp thuộc VCCI.

2. Ủy ban chuyên trách quan hệ với Đài Loan (sau đây gọi tắt là UBĐL).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với VCCI

1. VCCI hoạt động theo chế độ tự chủ về tài chính và được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính đặc thù.

2. Quản lý tài chính đối với VCCI được phân định và hạch toán rõ theo hai loại hoạt động:

a) Các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư để thực hiện chủ trương mở rộng và phát triển kinh tế của đất nước; các hoạt động theo nhiệm vụ được Nhà nước giao; các hoạt động triển khai các chương trình, dự án, đề tài theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là các hoạt động xúc tiến).

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động xúc tiến theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

b) Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ: VCCI phải tự đảm bảo kinh phí và tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

3. Ban Thường trực VCCI có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tài chính của VCCI căn cứ quy định tại Thông tư này và các văn bản chế độ quản lý tài chính hiện hành có liên quan.

Chương II **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN**

Điều 4. Vốn của VCCI

1. Vốn hoạt động của VCCI bao gồm:

a) Vốn được ngân sách nhà nước cấp trong quá trình hoạt động; vốn nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến; giá trị tài sản gắn liền với đất và các khoản khác được tính vào vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm theo quy định;

c) Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. VCCI được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động hàng năm theo các nội dung:

a) Đảm bảo chi hoạt động của UBĐL;

- b) Hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến;
- c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất;
- d) Các hoạt động khác được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc hỗ trợ kinh phí.

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản:

a) Đối với tài sản nhà nước tại VCCI, việc quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Điều 2 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Đối với tài sản không phải tài sản nhà nước, VCCI thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của VCCI.

2. Các nội dung về quản lý, sử dụng vốn, tài sản phải được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của VCCI và theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch VCCI chịu trách nhiệm bảo toàn vốn và tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGUỒN THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Mục 1

NGUỒN THU VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THU (Không bao gồm UBĐL)

Điều 6. Nguồn thu

1. Thu từ hoạt động xúc tiến.

1.1. Nguồn thu:

- a) Phí gia nhập và hội phí do hội viên đóng góp;
- b) Thu từ các hoạt động xúc tiến nêu tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này. Trong đó thu phí cấp C/O theo mức phí Bộ Tài chính quy định, hoặc theo mức hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp thực hiện chính sách ngừng thu phí;
- c) Các khoản đóng góp, tài trợ, quà tặng, quà biếu bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức cho hoạt động xúc tiến; thu từ tài trợ nước ngoài (theo dự án hoặc viện trợ lẻ);
- d) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để triển khai các hoạt động xúc tiến;
- e) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật từ hoạt động xúc tiến.

1.2. Các hoạt động xúc tiến do VCCI thực hiện:

a) Các hoạt động có tính chất xúc tiến thuộc chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của VCCI, trong đó có hoạt động cấp giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam (cấp C/O) theo nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao;

b) Tổ chức tiếp đón các doanh nhân, các tổ chức nước ngoài vào Việt Nam tìm kiếm cơ hội đầu tư, xúc tiến thương mại;

c) Chủ trì thành lập, tổ chức hoạt động các Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp các nước theo nhiệm vụ Chính phủ giao;

d) Tổ chức các đoàn doanh nghiệp tháp tùng Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi công tác nước ngoài nhằm mở rộng quan hệ quốc tế về thương mại, đầu tư và du lịch;

e) Triển khai các chương trình, dự án, đề tài theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

g) Các hoạt động xúc tiến khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ của VCCI và nhiệm vụ được các cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ:

a) Các khoản thu từ bán hàng hóa; phát hành sách báo, tạp chí; hoạt động quảng cáo;

b) Thu từ việc bán mẫu giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (form C/O), phí dịch vụ chứng thực các chứng từ cần thiết khác trong kinh doanh, xác nhận các trường hợp bất khả kháng. Giá bán form C/O và mức thu phí dịch vụ chứng thực, xác nhận do Chủ tịch VCCI quyết định và chịu trách nhiệm theo nguyên tắc bù đắp đủ chi phí phát sinh; đồng thời giá bán form C/O không được vượt quá mức thu của cơ quan chức năng đang thực hiện cung cấp dịch vụ tương tự;

c) Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ của VCCI.

3. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

a) Các khoản thu phát sinh từ hoạt động cho thuê văn phòng và tài sản khác theo quy định của pháp luật;

b) Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ theo quy định hiện hành;

c) Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Thu nhập khác: Các khoản thu từ bán công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị, bị hư hỏng hoặc không cần sử dụng; thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (trừ tài sản nhà nước quy định tại tiết a khoản 1 Điều 5 Thông tư này), thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý nguồn thu**1. Nguyên tắc quản lý nguồn thu:**

Nguồn thu của VCCI phải được phân loại và theo dõi riêng biệt theo hai hoạt động là hoạt động xúc tiến và hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác có được từ hoạt động xúc tiến hoặc hoạt động kinh doanh, dịch vụ cũng phải được phân loại tương ứng theo hai hoạt động này.

2. Nguyên tắc sử dụng nguồn thu:

a) Nguồn thu từ các hoạt động xúc tiến được sử dụng để triển khai các hoạt động xúc tiến;

b) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ được sử dụng để bù đắp các chi phí cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

3. Một số hoạt động xúc tiến theo yêu cầu quản lý phải theo dõi riêng như: các dự án sự nghiệp kinh tế, các chương trình, dự án, đề tài theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, VCCI cần có bộ phận quản lý dự án (hoặc bộ phận điều phối dự án), chịu trách nhiệm đảm bảo đủ nguồn thu để trang trải cho các hoạt động và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Việc quản lý và sử dụng nguồn thu phí cấp C/O thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và văn bản pháp luật có liên quan.

5. Việc quản lý và sử dụng nguồn thu viện trợ từ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Mục 2
CHI PHÍ VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ
(Không bao gồm UBĐL)

Điều 8. Chi phí

Chi phí của VCCI là toàn bộ các khoản chi thực hiện hoạt động xúc tiến và hoạt động kinh doanh, dịch vụ, bao gồm:

1. Chi phí nguyên, nhiên vật liệu, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

2. Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành.

3. Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động theo quy định tại Quy chế tiền lương của VCCI. Ban Thường trực hoặc Chủ tịch VCCI (theo Điều lệ của VCCI) có trách nhiệm xây dựng, ban hành Quy chế tiền lương của VCCI đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.